TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN ĐỊNH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÕA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 31 – 8 - 2023
V/v Ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hữu Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Viết Nguyên

2. Ông Lê Minh Chiểu

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thắng - Thư ký TAND huyện Yên Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định tham gia phiên tòa: *Ông Nguyễn Đăng Cường - Kiểm sát viên*

Ngày 31/8/2023 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc Ly hôn và nuôi con chung. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 16/8/2023 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Lê Thị S, sinh năm: 2001 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn C, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Đức T, sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố D, thị trấn C, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của chị Lê Thị S ngày 30/5/2023 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Lê Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Đức T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện. Đăng ký kết hôn ngày 31/3/2021 tại UBND thị trấn C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, trong quá trình chung sống vợ chồng chị không thống nhất được với nhau về mặt kinh tế dẫn đến vợ chồng hay cãi vã nhau. Mặt khác chị còn thường xuyên sảy ra xích mích với mẹ chồng, khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình khuyên can hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng chị hiện nay đã sống ly thân và thôi

quan hệ sinh lý kể từ ngày 02/01/2023 cho tới nay, không ai quan tâm gì tới nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Đức T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Bùi Bảo N, sinh ngày 24/10/2021. Hiện nay cháu Ngọc đang ở cùng với chị, cháu khỏe mạnh bình thường. Khi ly hôn nguyện vọng của chị được trực tiếp nuôi con. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 14/7/2023 anh Bùi Đức T trình bầy như sau:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị S xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau 02 năm thì tiến tới hôn nhân. Đăng ký kết hôn ngày 31/3/2021 tại UBND thị trấn C, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống vợ chồng anh nhận thấy bất đồng nhau về quan điểm sống. Không có tiếng nói chung, không thống nhất được với nhau về các vấn đề trong cuộc sống dẫn tới vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Sau khi mâu thuẫn xảy ra đã được gia đình khuyên can hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng anh hiện nay đã sống ly thân và thôi quan hệ sinh lý kể từ tháng 01/2023 cho tới nay, không ai quan tâm gì tới nhau. Nay chị S làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh xác định không còn tình cảm, nên đồng ý ly hôn với chị S.

Về con chung: Anh và chị S có 01 con chung là Bùi Bảo N, sinh ngày 24/10/2021. Hiện nay cháu Ngọc đang ở cùng với chị S. Khi ly hôn nguyện vọng của anh là giao con cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị S.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung và công nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị S và anh T đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung: Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật TTDS; Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị HĐXX giải quyết: Về Hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lê Thị S, xử cho chị được ly hôn anh Bùi Đức T. Về con chung: Giao cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 24/10/2021 cho chị S trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cấm và có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con. Về án phí: Đề nghị HĐXX xử lý theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị khắc phục vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

{ 1} Về tố tụng:

1.1. Xác định thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Yên Định thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa chị S và anh T là đúng quy định về thẩm quyền xét xử, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của các đương sự:

Chị S, anh T có đơn xin đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị S, anh T là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh T là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống không hợp nhau, không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, trong quá trình chung sống vợ chồng không thống nhất được với nhau về mặt kinh tế dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đó là nguyên nhân chính dẫn đến phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đánh giá thực trạng mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng: Chị S và anh T sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị S và anh T đã mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Hiện tại đời sống chung đã chấm dứt. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về phía anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đồng ý ly hôn. Như vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn là phù hợp.

2.2. Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung là Bùi Bảo N, sinh ngày 24/10/2021. Hiện tại con đang ở với chị S. Nguyện vọng của chị xin được trực tiếp nuôi con. HĐXX xét thấy: Nguyện vọng xin nuôi con của chị S chính đáng, phù hợp quy định của pháp luật. Anh T cũng đồng ý, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao con cho chị S nuôi là phù hợp. Về cấp dưỡng chị S không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

2.3. Về tài sản và công nợ chung: Chị S và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

2.4. Về án phí: Chị S khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng*: Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật TTDS; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

- *Tuyên xử:*

Về hôn nhân: Chấp nhận chị Lê Thị S được ly hôn anh Bùi Đức T.

Về con chung: Chị S và anh T có 01 con chung. Giao cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Bảo N, sinh ngày 24/10/2021. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung chị S không yêu cầu.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị S phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ *(ba trăm nghìn)* mà chị S đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, theo Biên lai thu số AA/2022/0001445 ngày 30/5/2023. Chấp nhận chị S đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Tuyên quyền kháng cáo bản án cho chị S và anh T trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKS huyện Yên Định;
- TAND Tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- UBND thị trấn C;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Thắng